

Số: ~~4507~~/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu chức năng đô thị Tây Tựu, tỷ lệ 1/500
(phục vụ xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất dịch vụ, đấu giá quyền sử dụng đất
và các mục tiêu khác)

Địa điểm: các phường Tây Tựu, Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân số 11/2003/QH11;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12;

Căn cứ Luật Thủ đô số 25/2012/QH13;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về Quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng về Quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013;

Căn cứ Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 02/4/2011 của UBND Thành phố về việc xây dựng các khu đô thị phục vụ tái định cư trên địa bàn Thành phố đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 04/02/2013 của UBND Thành phố về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu đô thị S1, tỷ lệ 1/5000;

Căn cứ Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 28/5/2014 của UBND Thành phố về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết Khu chức năng đô thị Tây Tựu, tỷ lệ 1/500 phục vụ xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất dịch vụ, đấu giá quyền sử dụng đất và các mục tiêu khác;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Quy hoạch-Kiến trúc tại Tờ trình số 3673/TTr-QHKT-P1-P7 ngày 18/8/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu chức năng đô thị Tây Tựu, tỷ lệ 1/500 (phục vụ xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất dịch vụ, đấu giá quyền sử dụng đất và các mục tiêu khác) tại các phường Tây Tựu, Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội với những nội dung chính như sau:

1. Vị trí, giới hạn, quy mô nghiên cứu:

a. Vị trí:

Khu vực lập quy hoạch chi tiết Khu chức năng đô thị Tây Tựu tỷ lệ 1/500 thuộc Quy hoạch phân khu đô thị S1 và địa giới hành chính các phường Tây Tựu, Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

b. Ranh giới:

Khu vực nghiên cứu có ranh giới được giới hạn như sau:

- + Phía Bắc và Đông Bắc: Giáp khu vực nêm xanh thuộc Phân khu đô thị GS.
- + Phía Tây Bắc: Là đường quy hoạch có mặt cắt ngang 30m.
- + Phía Nam và Tây Nam: Là sông Pheo và khu dân cư phường Tây Tựu.
- + Phía Đông và Đông Nam: Là các đường quy hoạch có mặt cắt ngang 24m, 40m.

c. Quy mô:

- Tổng diện tích đất trong phạm vi nghiên cứu lập điều chỉnh quy hoạch: 865.667m²

- Quy mô dân số dự kiến theo quy hoạch khoảng: 8.374 người.

2. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa đồ án Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 và Đồ án Quy hoạch phân khu đô thị S1 được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 04/02/2013.

- Tạo lập quỹ đất để xây dựng khu đất ở dịch vụ, đấu giá quyền sử dụng đất và các mục tiêu khác trên địa bàn huyện Từ Liêm (nay là quận Bắc Từ Liêm), phù hợp với chủ trương của Thành phố, phục vụ công tác giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư trên địa bàn huyện Từ Liêm (nay là quận Bắc Từ Liêm và Nam Từ Liêm) và thành phố Hà Nội; trong đó dành 25% quỹ đất ở để phát triển nhà ở xã hội theo yêu cầu tại Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân Thành phố.

- Tạo lập không gian đô thị mới hiện đại, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan hài hòa với khu đô thị xung quanh.

- Xác định chức năng sử dụng đất, các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc (mật độ xây dựng, chiều cao công trình, hệ số sử dụng đất) cho từng ô đất đảm bảo phù hợp với Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, Tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành và phù hợp với chỉ tiêu theo Quy hoạch phân khu đô thị được duyệt.

- Quy định quản lý theo quy hoạch làm cơ sở để lập dự án và thực hiện dự án đầu tư theo quy định hiện hành và là cơ sở pháp lý để các cấp chính quyền quản lý đô thị và xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

3. Nội dung quy hoạch:

3.1. Nội dung quy hoạch sử dụng đất:

Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch có tổng diện tích khoảng 865.667m², bao gồm các chức năng sử dụng đất như sau:

- *Đất đường thành phố, khu vực:* có tổng diện tích 290.279 m², bao gồm các cấp đường có mặt cắt ngang từ 17m trở lên.

- *Đất công cộng đơn vị ở:* có tổng diện tích 37.784 m², bao gồm 03 lô đất ký hiệu CC-01; CC-02; CC-03 (Xây dựng các công trình Chợ, nhà văn hóa, trạm y tế...).

- *Đất cây xanh đô thị:* có tổng diện tích 56.798 m², bao gồm 04 lô đất ký hiệu từ CXĐT-01 đến CXĐT-04.

- *Đất mặt nước:* có tổng diện tích 62.002 m², trong đó hồ điều hòa (ký hiệu HO) có diện tích 40.210 m², đất kênh mương (bao gồm 04 lô đất ký hiệu từ M-01 đến M-04) có diện tích 21.790 m².

- *Đất cây xanh đơn vị ở:* có tổng diện tích 40.066 m², bao gồm 10 lô đất ký hiệu từ CX-01 đến CX-10 (trong đó các lô CX-02, CX-03, CX-04 là các tuyến cây xanh kết hợp với không gian đi bộ và thương mại).

- *Đất bãi đỗ xe tập trung:* có tổng diện tích 18.239 m², bao gồm 07 lô đất ký hiệu P-01, P-01, P-03, P-04, P-05, P-06, P-07.

- *Đất trường trung học phổ thông:* có diện tích 32.096 m², ký hiệu THPT.

- *Đất trường trung học cơ sở:* có tổng diện tích 21.178 m², bao gồm 02 trường (ký hiệu THCS-01, THCS-02).

- *Đất trường tiểu học:* có tổng diện tích 23.871 m², bao gồm 02 trường (ký hiệu TH-01, TH-02);

- *Đất nhà trẻ, mẫu giáo:* có tổng diện tích 16.486 m², bao gồm 02 trường (ký hiệu NT-01, NT-02).

- *Đất ở thấp tầng:* bao gồm đất ở (phục vụ nhu cầu đầu giá quyền sử dụng đất và các nhu cầu khác của địa phương), đất dịch vụ và đất ở hiện có. Trong đó:

+ *Đất ở mới (phục vụ nhu cầu đầu giá quyền sử dụng đất và các nhu cầu khác của địa phương):* có tổng diện tích 30.207 m², bao gồm 05 lô đất ký hiệu từ TT-01 đến TT-05.

+ *Đất dịch vụ (xây dựng nhà ở kết hợp dịch vụ đền bù cho các hộ dân bị thu hồi đất nông nghiệp theo quy định của Thành phố):* có tổng diện tích 147.792 m², bao gồm 12 lô đất ký hiệu từ DV-01 đến DV-12.

+ *Đất ở hiện có:* có diện tích 576 m², ký hiệu HT.

- *Đất ở chung cư:*

+ *Đất ở chung cư (phục vụ nhu cầu đầu giá quyền sử dụng đất và các nhu cầu khác của địa phương):* có tổng diện tích 55.014 m², bao gồm 04 lô đất ký hiệu từ CT-01 đến CT-04.

+ Đất ở chung cư (quỹ đất 25% dành để phát triển nhà ở xã hội của Thành phố): có diện tích 30.404 m², ký hiệu XH.

- Đất hạ tầng kỹ thuật: có diện tích 2.875 m², ký hiệu HTKT (xây dựng Trạm xử lý nước thải cục bộ, Trạm vệ tinh Tây Tựu).

Bảng tổng hợp các số liệu sử dụng đất

TT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích đất (m ²)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
A	Đất dân dụng	862.792	99,67	
I	Đất đường TP, khu vực	290.279	33,53	Mặt cắt ngang từ 17m trở lên
II	Đất cây xanh đô thị	56.798	6,55	
III	Mặt nước	62.002	7,16	
1	Hồ điều hòa	40.212	4,65	
2	Kênh mương	21.790	2,51	Diện tích bao gồm cả kênh mương và hành lang bảo vệ
IV	Đất trường THPT	32.096	3,71	
V	Đất đơn vị ở	421.617	48,71	
1	Đất công cộng đơn vị ở	37.784	4,36	Chợ, nhà văn hóa, trạm y tế ..
2	Đất cây xanh đơn vị ở	40.066	4,63	
3	Đất bãi đỗ xe	18.239	2,11	
4	Đất nhà trẻ, mẫu giáo	16.486	1,90	
5	Đất trường TH	23.871	2,76	
6	Đất trường THCS	21.178	2,45	
7	Đất ở	263.993	30,50	
7.1	Đất ở thấp tầng	178.575	20,63	
7.2	Đất ở chung cư	85.418	9,87	
B	Đất ngoài dân dụng	2.875	0,33	
I	Đất hạ tầng kỹ thuật	2.875	0,33	Trạm xử lý nước thải cục bộ, Trạm vệ tinh Tây Tựu
Tổng cộng:		865.667	100	

*Diện tích đất bao gồm cả đường nội bộ có mặt cắt ≤ 13 m.

Bảng chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc các ô đất

TT	Ký hiệu	Chức năng sử dụng đất	Tổng diện tích đất	Diện tích đất XD	Diện tích đường nội bộ	Diện tích cây xanh nhóm nhà	Diện tích xây dựng	Mật độ XD	Diện tích sàn XD	HS SD Đ	Tầng cao	Dân số
			(m ²)	(m ²)	(m ²)	(m ²)	(m ²)	(%)	(m ²)	(lần)	(tầng)	(ng/h.s)
A		Đất dân dụng	862.792	510.273	54.016	8.224	168.364					
I		Đất đường TP, khu vực	290.279									
II	CXĐT	Đất cây xanh đô thị	56.798	56.798			2.841	5	2.841	0,05	1	
	CXĐT-01		3.151	3.151			158	5	158	0,05	1	
	CXĐT-02		5.858	5.858			293	5	293	0,05	1	
	CXĐT-03		44.093	44.093			2.205	5	2.205	0,05	1	

TT	Ký hiệu	Chức năng sử dụng đất	Tổng diện tích đất	Diện tích đất XD	Diện tích đường nội bộ	Diện tích cây xanh nhóm nhà	Diện tích xây dựng	Mật độ XD	Diện tích sân XD	HS SD Đ	Tầng cao	Dân số
			(m ²)	(m ²)	(m ²)	(m ²)	(m ²)	(%)	(m ²)	(lần)	(tầng)	(ng/h.s)
	CXĐT-04		3.696	3.696			185	5	185	0,05	1	
III		Mặt nước	62.002	62.002								
1	HO	Hồ điều hòa	40.212	40.212								
2	M	Kênh mương	21.790	21.790								
	M-01		3.771	3.771								
	M-02		6.539	6.539								
	M-03		7.090	7.090								
	M-04		4.390	4.390								
IV	THPT	Đất trường trung học phổ thông	32.096	32.096			7.236	≤40	29.305	≤0,9	1÷4	1.395
V		Đất đơn vị ở	421.617	359.377	54.016	8.224	158.197	44,0	733.844	2,0	1÷9	8.374
1	CC	Đất công cộng đơn vị ở	37.784	34.795	2.989		5.164	14,8	21.584	0,3	1÷3	
	CC-01		9.732	7.902	1.830		1.652	20,9	9.482	0,5	1÷3	
	CC-02		8.207	7.048	1.159		1.690	24,0	8.458	0,6	1÷3	
	CC-03		19.845	19.845			1.822	9,2	3.644	0,2	2	
2	CX	Đất cây xanh đơn vị ở	40.066	33.150	6.916		1.499	4,5	1.499	0,05	1	
	CX-01		4.972	4.122	850		206	5,0	206	0,05	1	
	CX-02		6.734	6.078	656		304	5,0	304	0,05	1	
	CX-03		3.556	3.556			178	5,0	178	0,05	1	
	CX-04		2.263	2.263			113	5,0	113	0,05	1	
	CX-05		6.562	5.194	1.368		260	5,0	260	0,05	1	
	CX-06		1.573	1.100	473							
	CX-07		3.710	2.667	1.043		133	5,0	133	0,05	1	
	CX-08		6.858	6.104	754		305	5,0	305	0,05	1	
	CX-09		2.593	1.278	1.315							
	CX-10		1.245	788	457							
3	P	Đất bãi đỗ xe	18.239	16.024	2.215							
	P-01		1.600	1.600								
	P-02		3.732	2.887	845							
	P-03		2.260	2.260								
	P-04		3.643	3.137	506							
	P-05		3.439	2.981	458							
	P-06		2.078	2.078								
	P-07		1.487	1.081	406							
4	NT	Đất nhà trẻ, mẫu giáo	16.486	13.919	2.567		≤ 5.568	≤40	9.280	≤0,7	1÷2	773
	NT-01		9.233	8.075	1.158		≤ 3.230	≤40	5.380	≤0,7	1÷2	449
	NT-02		7.253	5.844	1.409		≤ 2.338	≤40	3.900	≤0,7	1÷2	325
5	TH	Đất trường tiểu học	23.871	21.761	2.110		≤ 8.704	≤40	13.390	≤0,6	1÷3	837
	TH-01		11.302	10.016	1.286		≤ 4.006	≤40	6.160	≤0,6	1÷3	385
	TH-02		12.569	11.745	824		≤ 4.698	≤40	7.230	≤0,6	1÷3	452
6	THCS	Đất trường trung học cơ sở	21.178	19.901	1.277		≤ 7.960	≤40	13.780	≤0,7	1÷3	765
	THCS-01		11.157	9.880	1.277		≤ 3.952	≤40	6.840	≤0,7	1÷3	380
	THCS-02		10.021	10.021			≤ 4.008	≤40	6.940	≤0,7	1÷3	385
7		Đất ở	263.993	219.827	35.942	8.224	135.199	61,5	674.311	3,1	2÷9	8.374
7.1		Đất ở thấp tầng	178.575	136.636	33.715	8.224	109.517	80,2	547.007	4,0	2÷5	6.388
7.1.1	HT	Đất ở hiện có	576	576			328	56,9	1.062	1,8	2÷5	12
7.1.2	TT	Đất ở mới	30.207	22.411	6.436	1.360	17.962	80,1	89.810	4,0	5	732
	TT-01	Đất ở mới	2.723	1.969	634	120	1.578	80,1	7.890	4,0	5	64
	TT-02	Đất ở mới	2.894	2.084	690	120	1.670	80,1	8.350	4,0	5	68
	TT-03	Đất ở mới	3.698	2.580	878	240	2.107	81,7	10.535	4,1	5	84
	TT-04	Đất ở mới	3.698	2.580	878	240	2.107	81,7	10.535	4,1	5	84
	TT-05	Đất ở mới	17.194	13.198	3.356	640	10.500	79,6	52.500	4,0	5	432

TT	Ký hiệu	Chức năng sử dụng đất	Tổng diện tích đất	Diện tích đất XD	Diện tích đường nội bộ	Diện tích cây xanh nhóm nhà	Diện tích xây dựng	Mật độ XD	Diện tích sàn XD	HS SD Đ	Tầng cao	Dân số
			(m ²)	(m ²)	(m ²)	(m ²)	(m ²)	(%)	(m ²)	(lần)	(tầng)	(ng/h.s)
7.1.3	DV	Đất dịch vụ	147.792	113.649	27.279	6.864	91.227	80,3	456.135	4,0	5	5.644
	DV-01	Đất dịch vụ	14.504	10.165	3.230	1.109	8.097	79,7	40.485	4,0	5	504
	DV-02	Đất dịch vụ	5.387	4.232	992	163	3.418	80,8	17.090	4,0	5	208
	DV-03	Đất dịch vụ	5.285	4.149	976	160	3.347	80,7	16.735	4,0	5	208
	DV-04	Đất dịch vụ	17.195	13.687	2.868	640	11.083	81,0	55.415	4,0	5	688
	DV-05	Đất dịch vụ	4.387	3.371	856	160	2.686	79,7	13.430	4,0	5	168
	DV-06	Đất dịch vụ	5.285	4.149	976	160	3.347	80,7	16.735	4,0	5	208
	DV-07	Đất dịch vụ	11.734	9.391	1.863	480	7.626	81,2	38.130	4,1	5	472
	DV-08	Đất dịch vụ	18.160	14.350	3.034	776	11.613	80,9	58.065	4,0	5	740
	DV-09	Đất dịch vụ	14.833	11.783	2.570	480	9.478	80,4	47.390	4,0	5	588
	DV-10	Đất dịch vụ	6.219	5.069	830	320	4.134	81,6	20.670	4,1	5	256
	DV-11	Đất dịch vụ	24.892	18.405	4.711	1.776	14.444	78,5	72.220	3,9	5	868
	DV-12	Đất dịch vụ	19.911	14.898	4.373	640	11.954	80,2	59.770	4,0	5	736
7.2		Đất ở chung cư	85.418	83.191	2.227		25.682	30,9	127.304	1,53	2÷9	1.986
7.2.1	CT	Đất ở chung cư	55.014	55.014			16.643	30,3	85.810	1,56	2;6;9	1.050
	CT-01	Đất ở chung cư	10.901	10.901			3.255	29,9	16.070	1,5	2;6	191
	CT-02	Đất ở chung cư	13.001	13.001			3.624	27,9	17.588	1,4	2;6	207
	CT-03	Đất ở chung cư	15.284	15.284			5.232	34,2	24.664	1,6	2;6	284
	CT-04	Đất ở chung cư	15.828	15.828			4.532	28,6	27.488	1,7	2;9	368
7.2.2	XH	Đất ở chung cư	30.404	28.177	2.227		9.039	32,1	41.494	1,5	2;6	936
B		Đất ngoài dân dụng	2.875	2.875								
I	HTKT	Đất hạ tầng kỹ thuật	2.875	2.875								
		Tổng cộng:	865.667	513.148	54.016	8.224	168.364	19,5	765.990	1,7	1÷9	8.374

* Ghi chú:

- Chỉ tiêu tầng cao, diện tích sàn xây dựng các công trình chưa bao gồm tầng hầm và tầng tum thang, kỹ thuật (nếu có). Việc xây dựng tầng tum thang, kỹ thuật thực hiện theo công văn số 3149/BXD-KHCN ngày 03/12/2014 của Bộ Xây dựng, tuân thủ quy định của Quy chuẩn xây dựng và Tiêu chuẩn thiết kế hiện hành.

- Các khối nhà chung cư (ký hiệu CT-01, CT-02, CT-03, CT-04, XH): tầng 1 và tầng 2 bố trí chức năng dịch vụ công cộng phục vụ dân cư công trình và khu vực.

3.2. Tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan, thiết kế đô thị:

3.2.1. Các trục tuyến không gian chính, khu vực trọng tâm, khoảng mở, mảng không gian có tầm nhìn quan trọng:

a. Các trục tuyến không gian chính:

Tuyến đường Tây Thăng Long có mặt cắt ngang 60,5m được xác định là hướng vào chính của khu đất nghiên cứu quy hoạch, đồng thời là trục bố trí không gian kiến trúc, cảnh quan. Các công trình 2 bên tuyến đường vừa mang hình thức kiến trúc đặc trưng theo tính chất sử dụng của từng công trình, vừa là điểm nhấn tạo hướng chuyển tiếp không gian. Kết hợp với tuyến đường sắt đô thị số 4 (dự kiến đi trên cao) có thể thụ cảm toàn cảnh cảnh quan - kiến trúc của dự án.

Tuyến không gian xanh đi bộ kết nối với tuyến phố thương mại: là các lô đất có ký hiệu: CX-02, CX-03, CX-04, TT-01, TT-02, TT-03, TT-04, tại đây tổ chức tuyến cây xanh, mặt nước kết hợp với các hoạt động nghỉ ngơi, vui chơi giải trí, shopping.... Tuyến nhà phố hai bên trục đi bộ có chiều cao 5 tầng, với hình thức kiến trúc hiện đại tầng 1 dành cho mục đích thương mại, các tầng trên là nhà ở.

b. Các khu vực trọng tâm, khoảng mở, mảng không gian có tầm nhìn quan trọng:

Các công trình nhà ở, ga đường sắt đô thị số 4... là công trình điểm nhấn của đô thị nằm tại giao lộ của các đường giao thông chính (đường Tây Thăng Long, đường quy hoạch 40m,...) với hình thức kiến trúc hiện đại hài hòa tạo nên bộ mặt cho khu đô thị.

Ngoài ra, khu công viên cây xanh tập trung (CXĐT-01; CXĐT-02; CXĐT-03; CXĐT-04) kết hợp với hồ điều hòa, hệ thống mương như một tuyến cảnh quan chạy dọc xuyên suốt toàn đô thị, tạo ra môi trường sống trong lành, thân thiện với thiên nhiên, nâng cao chất lượng sống cho dân cư trong đô thị, vừa là điểm nhấn trọng tâm tạo lập bố cục không gian của đô án, vừa là vị trí có tầm nhìn quan trọng nhất đối với toàn bộ không gian của khu đô thị.

3.2.2. Các yêu cầu về tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

Bản đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan chỉ có tính minh họa, gợi ý cho giải pháp tổ chức không gian kiến trúc và cảnh quan. Hình dáng của các công trình xây mới sẽ được thực hiện cụ thể ở giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng, khi thiết kế công trình cụ thể cần đảm bảo các chỉ tiêu sử dụng đất, các yêu cầu đã không chế trên bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất (QH-04B) và tuân thủ Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch được ban hành kèm theo.

Hình thức kiến trúc các công trình hiện đại; màu sắc công trình, cây xanh sân vườn phù hợp với chức năng sử dụng của từng công trình và hài hoà với cảnh quan khu vực, đồng thời tạo được điểm nhấn về không gian cho khu vực.

Trong các lô đất chức năng có thể bố trí một số công trình như trạm điện, tủ cáp điện thoại, điểm thu gom rác... vị trí, quy mô, hành lang bảo vệ cụ thể sẽ được xác định chính xác ở giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng, tuân thủ theo đúng Tiêu chuẩn, Quy chuẩn hiện hành.

Các công trình cao tầng phải đảm bảo đủ diện tích tầng hầm để đỗ xe, cũng như các hệ thống kỹ thuật phụ trợ khác phù hợp Quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

Đối với công viên cây xanh: trồng cây xanh, làm vườn hoa kết hợp với kiến trúc tiểu cảnh để phục vụ dân cư trong khu vực ... hình thức tổ chức cây xanh đẹp, phong phú, bố trí lối ra vào thuận tiện. Để tăng cường hiệu quả sử dụng, không được làm hàng rào bao quanh tạo điều kiện thuận lợi cho sử dụng chung và phù hợp với quy hoạch.

Đối với công trình HTKT cần có giải pháp kiến trúc phù hợp, tránh làm ảnh hưởng đến cảnh quan chung của khu vực.

3.2.3. Thiết kế đô thị đối với ô quy hoạch:

a. Yêu cầu tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

Bố cục quy hoạch công trình cần được nghiên cứu trên cơ sở phân tích về các điều kiện vi khí hậu của khu đất thiết kế, lựa chọn được giải pháp tối ưu về bố cục

công trình để hạn chế tác động xấu của hướng nắng, hướng gió đối với điều kiện vi khí hậu trong công trình.

Chiều cao các tầng nhà, mái đón, bậc thềm, ban công và các chi tiết kiến trúc, phải đảm bảo hài hòa, đảm bảo tính thống nhất và mối tương quan về chiều cao với các công trình lân cận cho từng ô quy hoạch, tuyến phố và cho toàn khu vực, chiều cao tầng 1 các công trình nhà ở thấp tầng trên cùng tuyến phố phải thống nhất.

Khoảng lùi của công trình tuân thủ chỉ giới xây dựng xác định trong đồ án quy hoạch chi tiết và khoảng lùi tối thiểu được quy định theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, Tiêu chuẩn thiết kế, đảm bảo tính thống nhất trên tuyến phố; khuyến khích nghiên cứu khoảng lùi lớn hơn.

Hình khối, màu sắc, ánh sáng, hình thức kiến trúc chủ đạo của các công trình kiến trúc, phải phù hợp với không gian chung và tính chất sử dụng của công trình.

Tỷ lệ đất trồng cây xanh trong các lô đất không thấp hơn các quy định đã được xác lập trong Tiêu chuẩn, Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, khuyến khích tạo lập hệ thống cây xanh lớn hơn theo quy định.

Độ vươn ra của các chi tiết kiến trúc như mái đón, bậc thềm, ban công (nếu có) phải đảm bảo hài hòa, thống nhất với các công trình lân cận cho từng khu chức năng và cho toàn khu vực.

Công ra vào, biển hiệu phải đảm bảo hài hòa, đảm bảo tính thống nhất và mối tương quan về kích thước (chiều cao, chiều rộng), hình thức kiến trúc với các công trình lân cận cho từng khu chức năng và cho toàn khu vực.

Đảm bảo giao thông đường phố tại khu vực cổng ra vào công trình giáo dục đào tạo được an toàn và thông suốt, không bị tắc nghẽn: có diện tích tập kết người và xe trước cổng (vịnh đậu xe); cổng và phần hàng rào giáp hai bên cổng lùi sâu khỏi ranh giới lô đất, tạo thành chỗ tập kết có chiều sâu tối thiểu 4m, chiều ngang tối thiểu bằng 4 lần chiều rộng của cổng.

b. Thiết kế đô thị với các trục, tuyến chính quan trọng:

Các trục tuyến chính, quan trọng: Trục đường Tây Thăng Long, trục cây xanh đi bộ kết hợp với tuyến phố thương mại (trong đó các lô CX-02, CX-03, CX-04) được xác định là 02 tuyến chính trong khu quy hoạch, đồng thời là trục bố trí không gian kiến trúc, cảnh quan. Cần đảm bảo các yêu cầu về gian, kiến trúc cảnh quan như sau:

- Tuân thủ các yêu cầu về tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan đối với từng ô quy hoạch.

- Chiều cao công trình phải đảm bảo hài hòa, đảm bảo tính thống nhất và mối tương quan về chiều cao các công trình lân cận cho từng khu chức năng, đảm bảo quy định về chiều cao tối đa cho khu chung cư là 9 tầng; khu nhà ở thấp tầng là 5 tầng.

- Khoảng lùi của công trình tuân thủ chỉ giới xây dựng theo quy hoạch chi tiết, đảm bảo tính thống nhất trên tuyến phố. Trong khu vực quy hoạch đề xuất khoảng lùi tối thiểu cho tuyến phố như sau:

+ Khoảng lùi trên tuyến đường Tây Thăng Long là $\geq 10m$.

+ Khoảng lùi trên các tuyến phố khác: là $\geq 10m$ (đối với công trình nhà ở chung cư, nhà ở xã hội); là $\geq 6m$ (đối với các công trình trường học); là $\geq 3m$ (đối với các công trình công cộng, nhà ở thấp tầng).

- Vía hè được làm bằng các loại vật liệu có màu sắc tự nhiên. Đá, granite hoặc đá phiến sẽ được sử dụng cho quảng trường chính và các không gian chính. Gạch vía hè màu xám sẽ được sử dụng để lát cho đường đi bộ cấp 2. Các con đường lát đá chạy qua các thảm cỏ nhật và liên kết các không gian nhỏ với các khu vườn riêng.

- Cây xanh dọc theo tuyến đường chính, trồng các loại cây tạo bóng mát tốt. Cây trên các tuyến đường thứ cấp sẽ được chọn loại cây có hoa tạo nên các tuyến phố đi bộ sinh động về màu sắc theo mùa, các loại hoa này khoe sắc trong khoảng thời gian lâu hơn do có nhiều mùa hoa nở xen kẽ. Trên các khu vực cây xanh tập trung lớn được trồng chủ yếu là cây cọ, vừa đem lại bóng mát, vừa tạo độ thông thoáng mặt đất nơi tập trung đông người.

c. Thiết kế đô thị đối với các điểm nhấn trọng tâm:

Các công trình nhà ở, ga đường sắt đô thị số 4... là công trình điểm nhấn của đô thị nằm tại giao lộ của các đường giao thông chính (đường Tây Thăng Long, đường quy hoạch 40m,...) với hình thức kiến trúc hiện đại hài hòa tạo nên bộ mặt cho khu đô thị. Ngoài ra, khu công viên cây xanh, hồ điều hòa kết hợp với hệ thống mảng như 1 tuyến cảnh quan chạy dọc xuyên suốt toàn đô thị cũng là điểm nhấn trọng tâm tạo lập bố cục không gian của đồ án. Do vậy, cần đảm bảo các yêu cầu về không gian, kiến trúc, cảnh quan như sau:

- Tuân thủ các yêu cầu về tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan đối với từng ô quy hoạch.

- Tổ chức công viên cây xanh dạng công viên mở, tạo không gian nghỉ ngơi, thư giãn, đồng thời kết hợp với các tiện ích để người dân có thể luyện tập thể thao, đi dạo, picnic... trong các khu cây xanh sinh thái, yên tĩnh.

- Hệ thống mặt nước: tạo cơ hội tiếp cận tối đa cho cộng đồng với không gian mặt nước rộng lớn trải dài dọc suốt đô thị, thông qua các loại hình như: tuyến đường đi bộ, đường dạo xung quanh hồ, kết hợp hệ thống quảng trường tạo không gian kiến trúc đa dạng, sinh động và lưu thông thuận tiện cho người dân phía xung quanh hồ.

3.3. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

3.3.1. Giao thông:

a. Giao thông đường bộ:

- Đường cấp đô thị:

+ Tuyến đường trục Tây Thăng Long: hướng Đông - Tây, mặt cắt ngang điển hình B=60,5m, gồm 6 làn xe chính rộng 11.25mx2; đường gom 2 bên rộng 7mx2; dải phân cách trung tâm rộng 6m bố trí tuyến đường sắt đô thị số 4 đi trên cao (thực hiện theo dự án riêng), dải phân cách giữa đường chính và đường gom rộng 1mx2; vía hè hai bên rộng 2x8m.

+ Các tuyến đường liên khu vực có mặt cắt ngang đường điển hình B=40m, gồm: 6 làn xe chính rộng 12mx2; dải phân cách trung tâm rộng 3m; vía hè hai bên rộng 2x6,5m. Riêng đoạn có bố trí cầu vượt trục thông mặt cắt ngang đường được mở rộng B=46m, gồm: cầu vượt được bố trí ở dải phân cách trung tâm rộng B=18m, hai phần đường gom 2 bên rộng 7,5mx2, vía hè hai bên rộng 2x6,5m.

- Đường cấp khu vực:

+ Các tuyến đường chính khu vực có mặt cắt ngang đường điển hình rộng B=30m, gồm: 4 làn xe rộng 7,5mx2; dải phân cách trung tâm rộng 5m; vỉa hè hai bên rộng 2x5m.

+ Các tuyến đường khu vực có mặt cắt ngang đường điển hình rộng B=24m, gồm lòng đường rộng 14-15m, vỉa hè hai bên rộng 2x(4,5-5m).

- *Đường cấp nội bộ:*

Xây dựng các tuyến đường nội bộ chính kết nối giao thông từ mạng đường Thành phố và khu vực xung quanh vào các khu chức năng trong khu đất lập quy hoạch gồm:

+ Các tuyến đường phân khu vực có mặt cắt ngang đường điển hình rộng B=17m, gồm: lòng đường rộng 7m, vỉa hè hai bên rộng 5mx2.

+ Các tuyến đường nội bộ có mặt cắt ngang đường điển hình rộng B=12m, gồm lòng đường rộng 6m, hè đường rộng 3mx2.

b. Giao thông công cộng:

- Đường sắt đô thị: trong khu quy hoạch có bố trí xây dựng tuyến đường sắt đô thị số 4 tại dải phân cách trung tâm của trục Tây Thăng Long và 01 ga hành khách (cụ thể sẽ được xác định theo dự án riêng được cấp thẩm quyền phê duyệt).

- Mạng lưới xe buýt công cộng: Dọc theo các tuyến đường cấp khu vực trở lên bố trí các tuyến xe buýt, khoảng cách giữa các trạm xe buýt từ 300-500m và không quá 800m; không bố trí trạm xe buýt trước khi vào nút giao thông chính; xây dựng vịnh đón trả khách tại các điểm đỗ để không gây ùn ứ giao thông trên tuyến đường. Cụ thể được thực hiện theo quy hoạch chuyên ngành.

c. Nút giao thông, lối đi bộ:

Xây dựng cầu vượt trục thông giữa tuyến đường liên khu vực có mặt cắt ngang điển hình B=40m với tuyến đường trục Tây Thăng Long (theo hướng tuyến đường liên khu vực với quy mô 4 làn xe).

Các nút giao khác là nút giao bằng được điều khiển bằng đảo dẫn hướng và đèn tín hiệu.

Lối đi bộ: Xây dựng 01 cầu đi bộ trên tuyến đường trục Tây Thăng Long (cụ thể sẽ được xác định ở giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng).

d. Bãi đỗ xe:

Các công trình cao tầng, nhà ở thấp tầng, công cộng phải tự đảm bảo đỗ xe cho bản thân công trình.

Xây dựng 07 bãi đỗ xe tập trung, tổng diện tích 18.230m² đáp ứng đủ nhu cầu chỗ đỗ xe của khu quy hoạch và khách vắng lai, đảm bảo bán kính phục vụ theo quy định (tối đa 300m).

e. Các chỉ tiêu đạt được:

- Tổng diện tích khu vực nghiên cứu: 86,57ha (100%)

- Diện tích đất giao thông : 30,85ha (35,64%). Trong đó:

+ Đường cấp đô thị và khu vực : 25,18ha (29,09%).

+ Đường phân khu vực : 3,85ha (4,45%).

- + Bãi đỗ xe : 1,82ha (2,10%).
- Mật độ mạng lưới đường : 10,84 km/km².

3.3.2. Chuẩn bị kỹ thuật:

a) San nền:

Cao độ san nền cao nhất +7,50m, cao độ san nền thấp nhất +6,85m.

b) Thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước mưa trong khu vực nghiên cứu quy hoạch là hệ thống thoát nước riêng được thiết kế đảm bảo nguyên tắc tự chảy thoát ra sông Pheo ở phía Tây Nam và phía Nam khu đất.

Xây dựng tuyến mương thoát nước có tiết diện B mặt = 20m phía Tây Bắc khu vực nghiên cứu kết nối với hệ thống thoát nước của khu vực để thoát nước tự chảy ra sông Pheo khi mực nước sông Nhuệ thấp và bơm cưỡng bức ra sông Hồng qua trạm bơm Liên Trung thoát ra sông Hồng khi mực nước sông Nhuệ cao.

Xây dựng cống thoát nước mưa có tiết diện D800mm-D1750mm, BxH=2x2m dọc theo đường quy hoạch, đảm bảo thoát nước tự chảy ra tuyến mương quy hoạch ở phía Tây Bắc và sông Pheo.

Hồ điều hòa có diện tích 4,02ha điều hòa một phần nước mưa của khu vực thoát vào tuyến mương quy hoạch.

Mực nước không chế sông Pheo tại vị trí qua khu đất nghiên cứu khoảng 5.75m. Mực nước tính toán của tuyến mương quy hoạch (mặt cắt ngang B=20m) khoảng 5.85m.

Trong quá trình lập dự án đầu tư xây dựng cần nghiên cứu giải pháp hoàn trả hệ thống thủy lợi hiện có khi các khu vực sản xuất nông nghiệp ở lân cận còn tiếp tục hoạt động.

3.3.3. Cấp nước:

a) Nguồn cấp: Khu quy hoạch được cấp nguồn từ Nhà máy nước mặt sông Hồng, thông qua các tuyến ống truyền dẫn $\Phi 300\text{mm}-\Phi 1000\text{mm}$ bố trí dọc các tuyến đường quy hoạch.

b) Mạng lưới đường ống:

Tuyến ống truyền dẫn: Xây dựng tuyến ống cấp nước truyền dẫn $\Phi 1000\text{mm}$ dọc tuyến đường quy hoạch phía Bắc khu quy hoạch, cung cấp nước cho trung tâm Thành phố. Xây dựng các tuyến ống $\Phi 400\text{mm}$, $\Phi 300\text{mm}$ dọc theo các tuyến đường đi qua khu quy hoạch.

Các tuyến ống phân phối, dịch vụ: Xây dựng mạng lưới đường ống cấp nước phân phối và dịch vụ có kích thước $\Phi 150\text{mm}-\Phi 200\text{mm}$ và $\Phi 50\text{mm}-\Phi 75\text{mm}$ của khu quy hoạch theo mạng vòng kết hợp mạng cụt dọc theo các tuyến đường quy hoạch để cấp nước cho các công trình. Các công trình cao tầng sẽ xây dựng trạm bơm bể chứa riêng trong mỗi công trình (được thiết kế cụ thể theo dự án riêng, phù hợp với mặt bằng bố trí công trình).

c) Cấp nước chữa cháy:

Dọc theo các tuyến ống cấp nước phân phối $\Phi 150\text{mm}$, $\Phi 200\text{mm}$ xây dựng các

hạng cứu hoả (khoảng cách, thiết kế các hạng cứu hoả phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật chuyên ngành). Đối với các công trình công cộng xây dựng hệ thống chữa cháy riêng cho từng công trình.

Xây dựng các hồ thu nước cứu hỏa tại khu vực hồ điều hòa phục vụ cho nhu cầu cấp nước chữa cháy của khu vực.

3.3.4. Thoát nước thải và Vệ sinh môi trường:

a) Thoát nước thải:

Khu vực quy hoạch dùng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn.

Khu quy hoạch nằm trong lưu vực trạm xử lý nước thải Tây sông Nhuệ, công suất khoảng 65.000 m³/ng.đ.

Xây dựng hệ thống thoát nước thải của khu quy hoạch có tiết diện D300mm, rãnh xây B300mm bố trí trên các trục đường quy hoạch thu gom nước thải từ các công trình về trạm xử lý.

Trước mắt khi trạm xử lý Tây sông Nhuệ chưa được xây dựng, nước thải được dẫn về trạm xử lý nước thải cục bộ công suất khoảng 2.290 m³/ng.đ được xây dựng ngầm trong khu cây xanh hồ điều hòa của khu quy hoạch. Việc xây dựng trạm xử lý nước thải cục bộ sẽ được xem xét đồng thời với tiến độ xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung Tây sông Nhuệ, đảm bảo hiệu quả đầu tư, tránh chồng chéo gây lãng phí.

b) Quản lý chất thải rắn:

Phân loại chất thải rắn: Để thuận tiện trong thu gom, vận chuyển và tái sử dụng, tiến hành phân loại chất thải rắn ngay từ nơi thải ra. Chất thải rắn phân thành 2 loại: chất thải vô cơ và chất thải hữu cơ được thu gom vào 2 thùng riêng biệt.

Phương thức thu gom:

- Đối với khu vực xây dựng nhà chung cư, cần có hệ thống thu gom và phân loại rác thải từ trên cao xuống bể rác cho từng đơn nguyên.

- Đối với khu vực xây dựng nhà thấp tầng, rác thải sinh hoạt được thu gom trực tiếp bằng xe đẩy tay theo giờ cố định hoặc thu gom vào các thùng rác dọc theo các tuyến đường, khoảng cách giữa các thùng rác là 50m/1thùng.

- Ở các nơi công cộng như khu vực cây xanh, đường trục chính ... đặt các thùng rác nhỏ có nắp kín với khoảng cách 50m/1thùng.

Bố trí trạm trung chuyển chất thải rắn của khu quy hoạch tại khu vực cây xanh hồ điều hòa. Rác thải cần được thu gom và vận chuyển về khu xử lý rác thải của Thành phố trong ngày.

3.3.5. Cấp điện - Thông tin liên lạc:

a) Cấp điện:

Nguồn cấp: Khu quy hoạch được cấp nguồn từ trạm biến áp 110/22KV Chèm công suất 3x63KVA phía Đông Bắc khu quy hoạch thông qua tuyến cáp 22KV bố trí dọc đường phía Bắc khu quy hoạch.

Tuyến dây cao thế 220KV hiện có cắt qua khu quy hoạch sẽ được hạ ngầm xây dựng dọc theo các tuyến đường quy hoạch. Trong giai đoạn chưa thực hiện theo quy hoạch, phải đảm bảo hành lang an toàn của tuyến điện theo quy định. Mọi hoạt động

trong hành lang an toàn của tuyến điện phải được cơ quan quản lý chuyên ngành điện thỏa thuận.

Tuyến dây trung thế và trạm biến áp: Xây dựng tuyến cáp ngầm trung thế 22KV dọc theo đường quy hoạch cấp điện cho 11 trạm biến áp 22/0,4KV.

Mạng lưới hạ thế: Xây dựng các tuyến cáp ngầm hạ thế 0,4KV dọc theo đường quy hoạch cấp điện cho các công trình và chiếu sáng đường.

(Vị trí, công suất trạm biến áp, các tuyến hạ thế trong bản vẽ chỉ là định hướng sơ bộ, sẽ được xác định cụ thể ở giai đoạn sau).

b) Thông tin liên lạc:

Nguồn cấp: Khu quy hoạch được cấp nguồn từ trạm vệ tinh Tây Tựu (thay thế trạm vệ tinh Tây Tựu hiện có) công suất 1.023lines nằm trong khu đô thị thông qua các tuyến cáp bố trí dọc các tuyến đường trong khu quy hoạch.

Mạng lưới thông tin liên lạc: Xây dựng tuyến cáp quang nhánh ngầm dọc theo đường quy hoạch cấp nguồn cho 11 tủ cáp. Mạng lưới cáp ngầm từ tủ cáp đến các thuê bao, vị trí và dung lượng tủ cáp có thể xem xét điều chỉnh trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng trên cơ sở ý kiến thỏa thuận của cơ quan quản lý chuyên ngành về nguồn cấp và phương án đấu nối.

3.3.6. Đánh giá môi trường chiến lược:

Xác định các vấn đề về môi trường chính: Chất lượng không khí, tiếng ồn, đất, nước, cây xanh, nước ngầm (xác định nguồn gây ô nhiễm và khoảng cách ly, phạm vi an toàn vệ sinh).

Xác định mức độ tác động tích cực và tiêu cực đến môi trường của quá trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng (giai đoạn thi công xây dựng) và vận hành sử dụng.

Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện vấn đề môi trường trong đồ án quy hoạch; Đề xuất danh mục các dự án đầu tư xây dựng cần thực hiện đánh giá tác động môi trường.

3.4. Quy hoạch xây dựng ngầm đô thị:

Dọc theo các trục đường giao thông bố trí tuynen, hào kỹ thuật chứa hệ thống cấp nước phân phối, hệ thống cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc...

Có thể nghiên cứu xây dựng các tầng hầm dưới: Các công trình nhà ở thấp tầng phục vụ nhu cầu đỗ xe cho bản thân các công trình; Nhà ở chung cư, công trình công cộng, hỗn hợp phục vụ nhu cầu đỗ xe cho bản thân các công trình và hạ tầng kỹ thuật, quản lý điều hành cho công trình...

3.5. Phân kỳ đầu tư, quy định quản lý:

a) Phân kỳ đầu tư:

Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật: đường giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước mặt, thoát nước thải, trạm xử lý nước thải cục bộ...

Các hạng mục dự án đầu tư xây dựng công trình sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập dự án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt.

b) Quy định quản lý:

Trên cơ sở phân loại các dự án đầu tư, việc quản lý quy hoạch xây dựng được thực hiện theo từng dự án. Trong giai đoạn triển khai thực hiện dự án phải tuân thủ các quy

định của đồ án quy hoạch chi tiết được duyệt về chỉ tiêu kiến trúc quy hoạch như: quy mô công trình, mật độ xây dựng, tầng cao công trình, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng... và các quy định khác tại Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch; tuân thủ các quy định của Luật Nhà ở, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Kinh doanh bất động sản,...

Trường hợp khi lập dự án nếu cần điều chỉnh chỉ tiêu kiến trúc quy hoạch thì phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc kiểm tra, xác nhận hồ sơ bản vẽ và Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chi tiết Khu chức năng đô thị Tây Tựu, tỷ lệ 1/500 phù hợp với Quyết định này.

Giao UBND quận Bắc Từ Liêm: Chủ trì phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc tổ chức công bố công khai quy hoạch được duyệt cho các tổ chức, cơ quan và nhân dân biết; Chịu trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới và phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai cắm mốc giới đồ án Quy hoạch chi tiết ngoài thực địa, thực hiện theo Quy định về cắm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hà Nội đã được UBND Thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 82/2014/QĐ-UBND ngày 21/11/2014.

Chủ tịch UBND quận Bắc Từ Liêm, Chủ tịch UBND các phường Tây Tựu, Liên Mạc chịu trách nhiệm: Kiểm tra, quản lý, giám sát xây dựng theo quy hoạch, xử lý các trường hợp xây dựng sai quy hoạch theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Các Sở, Ban, ngành có liên quan có trách nhiệm giám sát, phối hợp với UBND quận Bắc Từ Liêm thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố về quản lý quy hoạch, đầu và tư xây dựng.

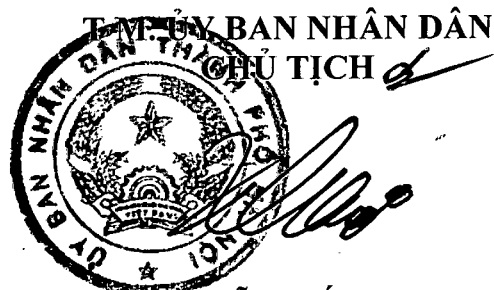
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Quy hoạch-Kiến trúc, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Lao động-Thương binh và Xã hội; Chủ tịch UBND quận Bắc Từ Liêm, Chủ tịch UBND phường Tây Tựu, Chủ tịch UBND phường Liên Mạc; Giám đốc, thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, các tổ chức cơ quan và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các PCT UBND TP;
- VPUBTP: Các PCVP, các phòng CV;
- Lưu: VT, QH_{năng}.

25203 (40)



Nguyễn Thế Thảo